TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Mai**

2. Ông **Hà Đức Kiền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông **Cao Hoàng Thắng –** Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6263/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Thanh C,** sinh năm 1972

Địa chỉ: 353/9/2 đường A, Phường B, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Phuoc Ngoc T,** sinh năm 1966

Địa chỉ: South West Valley Utah 84119, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh C trình bày:

Bà và ông Phuoc Ngoc T quen biết nhau từ năm 2006, tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2809, quyển số 10 ngày 24/08/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bà, sau đó ông Phuoc Ngoc T quay trở về Mỹ còn bà ở Việt Nam. Thời gian đầu ông Phuoc Ngoc T thường xuyên về Việt Nam thăm bà, mỗi năm 1 lần từ 3-4 tháng. Ngay từ đầu

giữa vợ chồng không có hạnh phúc do ông Phuoc Ngoc T thường chửi bới, không tôn trọng bà và bị bệnh không thể quan hệ vợ chồng. Từ năm 2014, ông Phuoc Ngoc T không đủ sức khỏe nên không về Việt Nam thăm bà và vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phuoc Ngoc T

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 01/11/2018 của bị đơn ông Phuoc Ngoc T được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 04/12/2018 có nội dung như sau:

Ông và bà Nguyễn Ngọc Thanh C kết hôn với nhau vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2809, quyển số 10 ngày 24/08/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Mẫu thuẫn phát sinh do ông bị bệnh, nóng tính nên vợ chồng thường hay cãi vã, dần dần không còn tình cảm. Bà Nguyễn Ngọc Thanh C có yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh C, bị đơn ông Phuoc Ngoc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Ngọc Thanh C được ly hôn ông Phuoc Ngoc T. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh C đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Phuoc Ngoc T cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh C, bị đơn ông Phuoc Ngoc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Nguyễn Ngọc Thanh C và ông Phuoc Ngoc T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2809, quyển số 10 ngày 24/08/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Nguyễn Ngọc Thanh C, sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bà C. Trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc do ông Phuoc Ngoc T thường chửi bới, không tôn trọng bà và vợ chồng không hòa hợp về sinh lý. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc. Bà C xác định không còn tình cảm với chồng, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn. Lời khai ông Phuoc Ngoc T cũng xác nhận giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Phuoc Ngoc T cũng đồng ý ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa đôi bên của bà C là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thanh C;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thanh C được ly hôn ông Phuoc Ngoc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2809, quyển số 10 ngày 24/08/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Ngọc Thanh C nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà C đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0045539 ngày 31/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà C đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh C và bị đơn ông Phuoc Ngoc T; bà Nguyễn Ngọc Thanh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Phuoc Ngoc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Trần Thị Nhung